

Những nét chính về định hướng phát triển ngành viễn thông Việt Nam đến năm 2020

Thạc sĩ TRẦN ĐĂNG KHOA



Kết quả thực hiện

Sau thành công của chiến lược tăng tốc (1990 – 2000), giai đoạn 2000-2010 ngành viễn thông bước vào thực hiện “Chiến lược hội nhập và phát triển” với quan điểm viễn thông vừa là một ngành hạ tầng, giúp phát triển các ngành kinh tế xã hội khác vừa là một ngành kinh tế mũi nhọn, giữ vai trò quan trọng trong công tác phát triển kinh tế xã hội. Mặt khác, chủ động thực hiện hội nhập quốc tế đi đôi với việc giữ vững an ninh quốc phòng, ổn định chính trị quốc gia. Qua hơn một nửa giai đoạn thực hiện chiến lược (giai đoạn 2001-2006), có một số điểm chính đáng lưu ý như sau:

- Về mục tiêu hiện đại hoá hạ tầng viễn thông, đưa truy nhập băng rộng (cáp quang, vô tuyến

băng rộng, vệ tinh) đến từng hộ gia đình: Hiện nay mạng băng rộng đang được triển khai khá tốt, các tuyến truyền dẫn hầu hết đã được quang hoá, mạng ADSL đã tạo ra cơ hội kết nối Internet băng rộng cho các hộ gia đình với mức chi phí khá phù hợp (mức thấp nhất khoảng 200 ngàn đồng/tháng);

- Về chủ trương khuyến khích xây dựng các mạng dùng riêng phục vụ cho công tác điều hành của Đảng và Nhà nước: Quan điểm đẩy mạnh phát triển các mạng dùng riêng là rất đúng đắn, thực tế là các mạng thông tin của Quân đội, Công an, Điện lực,... đã được đầu tư phát triển rất tốt. Tuy nhiên, Nhà nước để cho các đơn vị quân đội, điện lực sử dụng mạng dùng riêng của mình để tổ chức kinh doanh viễn thông có thể

làm cho các đơn vị này sao lãng đi nhiệm vụ chính của mình. Chúng ta có thể tận dụng các mạng dùng riêng để phát triển kinh doanh viễn thông, nhưng các chủ thể kinh doanh phải là những công ty viễn thông, không để các đơn vị quân đội, điện lực,... đứng ra kinh doanh như hiện nay;

- Về yêu cầu đa dạng hoá dịch vụ, thực hiện giá cước thấp, nâng cao tỷ lệ sử dụng điện thoại: Mục tiêu này đang được triển khai thực hiện tốt, giá cước ngày càng giảm (đã đạt mức bằng hoặc thấp hơn giá cước bình quân của khu vực – Bộ BCVT), tỷ lệ sử dụng điện thoại tăng nhanh (mức tăng trưởng bình quân khoảng 34%/năm – Bộ BCVT). Tuy nhiên sự đa dạng dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng vẫn chưa xứng tầm với quy mô phát triển của mạng lưới viễn thông hiện nay;

- Về mục tiêu tạo cạnh tranh mạnh mẽ trong viễn thông, phấn đấu đến năm 2005 doanh nghiệp mới chiếm 25%-30% thị phần và năm 2010 là 40%-50% thị phần: Thực tế đến hết năm 2005, các doanh nghiệp viễn thông mới chỉ chiếm khoảng 16% thị phần và mục tiêu đạt mức thị phần 40%-50% của các doanh nghiệp viễn thông mới sẽ rất khó thực hiện. Mặt khác, các doanh nghiệp viễn thông mới như Viettel, SPT, EVN Telecom,... cũng đều thuộc sở hữu nhà nước, do vậy mục tiêu “tạo cạnh tranh mạnh mẽ” giữa các doanh nghiệp này cũng khó đạt được;

- Đối với chủ trương đầu tư vào công nghệ hiện đại để phát triển: Ngành viễn thông là một trong số ít ngành ở VN có trình độ công nghệ tiếp cận được với trình độ của thế giới, tuy nhiên các công nghệ hiện nay chúng ta có được chủ yếu qua nhập khẩu từ nước ngoài, việc đầu tư nghiên cứu phát triển công nghệ trong nước còn rất yếu, chưa có thành công nào đáng kể. Mặt khác, thị trường khoa học công nghệ ở VN

chưa hình thành nên hoạt động nghiên cứu phát triển, đặc biệt là hoạt động nghiên cứu phát triển viễn thông khó phát triển. Nếu không tự phát triển được công nghệ, khả năng làm chủ được các hệ thống cung cấp dịch vụ viễn thông của VN là rất khó khăn và sẽ ảnh hưởng đến tốc độ phát triển dịch vụ cũng như giá thành sản phẩm dịch vụ viễn thông của VN trong tương lai do sự phụ thuộc vào các đối tác nước ngoài;

- Về mục tiêu phát triển nhân lực với trình độ cao để phục vụ cho sự phát triển: Mặc dù trình độ nhân lực viễn thông trong những năm qua đã được từng bước nâng cao, đặc biệt trong các doanh nghiệp viễn thông mới (tỷ lệ đại học và trên đại học chiếm 60% - Bộ BCVT). Tuy nhiên, theo thống kê của ITU, năng suất lao động trong ngành viễn thông VN vẫn còn thấp, xếp gần cuối bảng trong các nước ASEAN, thấp hơn nhiều so với mức bình quân của khu vực ASEAN, năng suất lao động bình quân của VN là 25.750 USD/01 lao động viễn thông, trong khi mức bình quân của khu vực ASEAN là 147.494 USD/1 lao động viễn thông (nguồn: ITU). Đây là yếu tố cản trở sự thay đổi mạnh mẽ để phát triển trong tương lai.

Định hướng phát triển

Trước kết quả thực hiện chiến lược phát triển ngành viễn thông VN giai đoạn 2001-2010 như đã phân tích ở trên, đối với định hướng phát triển ngành viễn thông VN từ nay đến năm 2020, chúng tôi có một số đề xuất như sau:

Về quan điểm và mục tiêu phát triển: Trên cơ sở định hướng và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đề ra trong nghị quyết Đại hội X của Đảng, quan điểm phát triển ngành viễn thông VN đến năm 2020 sẽ gồm 4 ý chính sau: Thứ nhất, viễn thông là một ngành hạ tầng thông tin của xã hội, vì thế phải ưu tiên

dầu tư để ngành viễn thông phát triển đi trước các ngành kinh tế khác; thứ hai, viễn thông là một ngành kinh tế lớn: Ngoài vai trò là ngành hạ tầng phục vụ cho sự phát triển chung của xã hội, ngành viễn thông cũng phải tiếp tục duy trì vai trò hàng đầu về đóng góp doanh thu cho sự tăng trưởng GDP của đất nước; thứ ba, sự phát triển của ngành viễn thông phải đảm bảo về an ninh trật tự xã hội, giữ vững độc lập và chủ quyền quốc gia; thứ tư, viễn thông phải góp phần nâng cao năng lực dân trí, đời sống văn hoá tinh thần của người dân thông qua các dịch vụ cung cấp cho xã hội.

Mục tiêu phát triển ngành viễn thông VN đến năm 2020 là phải: (1) Có trình độ và mức độ phát triển theo kịp các nước trong khu vực (đứng trong nhóm 03 nước đầu khu vực ASEAN), tức là tương đương với các nước phát triển trên thế giới; (2) Giữ vững vị trí là một trong 03 ngành kinh tế có đóng góp vào GDP nhiều nhất trong cả nước; (3) Thực hiện phát triển ra thị trường nước ngoài (ít nhất là trong khu vực ASEAN); (4) Các dịch vụ viễn thông phải đáp ứng được tiêu chí phục vụ cho hầu hết mọi người dân; (5) Mạng viễn thông phải đảm bảo tính dự phòng, đáp ứng yêu cầu thông tin quản lý của nhà nước và giữ vững an ninh, quốc phòng.

Định hướng của ngành viễn thông từ nay đến năm 2020 là "Phát triển nhanh, bền vững trên cơ sở tích hợp giữa viễn thông và công nghệ thông tin". Đối với từng lĩnh vực, các định hướng và biện pháp cụ thể như sau:

- **Thị trường viễn thông:** Khuyến khích các doanh nghiệp viễn thông VN chú trọng khai thác thị trường trong nước, xem thị trường trong nước là ưu tiên hàng đầu. Sau khi đã tạo được thế đứng vững chắc ở trong nước, Nhà nước sẽ tạo điều kiện để các doanh nghiệp đầu tư ra thị trường khu vực và thế

giới. Tạo cạnh tranh trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng, kiểm soát số lượng các doanh nghiệp có chức năng cung cấp dịch vụ cố định và di động trong phạm vi cả nước. Các biện pháp thực hiện gồm: Một là, duy trì thể độc quyền của VNPT trong giai đoạn đầu cho đến khi ngành viễn thông VN đạt mức trên 30 máy điện thoại/100 dân; hai là, chú trọng phát triển số lượng thuê bao; ba là, khuyến khích tư nhân tham gia phát triển dịch vụ tại các địa phương; bốn là, phát triển hình thức bán lưu lượng để phát triển dịch vụ; năm là, đẩy mạnh hợp tác cấp chính phủ để đầu tư ra nước ngoài, trước mắt là các nước Lào, Cambodia, Myanmar.

- **Sản phẩm và dịch vụ:** Chú trọng phát triển các dịch vụ giá trị gia tăng, tạo ra nhiều công dụng cho các máy điện thoại. Ngoài chức năng thực hiện và nhận các cuộc gọi, chiếc máy điện thoại phải tích hợp được các tiện ích khác như mua hàng hoá và dịch vụ, lưu trữ thông tin cá nhân (sổ bảo hiểm, mã số chứng minh thư,...), công cụ làm việc, truy cập Internet, công cụ giải trí (xem phim, nghe nhạc, xem truyền hình,...). Để hiện thực hoá định hướng này, các chính sách phát triển của Nhà nước cần: Tạo được môi trường để tư nhân và các công ty nước ngoài tham gia cung cấp dịch vụ, khuyến khích được các doanh nghiệp VN tự phát triển các sản phẩm phần mềm viễn thông để nâng cao khả năng làm chủ được các hệ thống cung cấp dịch vụ viễn thông, cho phép các doanh nghiệp thực hiện chính sách đa dạng hoá cước dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng để thu hút người sử dụng, hoàn thiện hơn nữa luật giao dịch điện tử và các văn bản dưới luật để đẩy mạnh thương mại điện tử trên cơ sở sử dụng các hạ tầng viễn thông, kêu gọi nước ngoài liên doanh để sản xuất thiết bị đầu cuối, tạo ra thiết bị giá rẻ để người dân dễ dàng tiếp cận với các dịch vụ viễn thông.

- Huy động vốn đầu tư cho viễn thông: Phát huy nội lực đồng thời tận dụng các nguồn vốn từ nước ngoài để phát triển, trong đó nội lực là chủ yếu. Các biện pháp để huy động vốn gồm: (1) Phát hành trái phiếu trả lãi theo hiệu quả kinh doanh của ngành viễn thông: Nhà nước cho phép các doanh nghiệp viễn thông thông lớn (VNPT, Viettel) phát hành trái phiếu với hình thức trả lãi gồm 2 phần: Phần cơ bản có mức lãi suất thấp hơn mức lãi suất ngân hàng, phần lãi còn lại phụ thuộc vào hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp viễn thông. Như thế, hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp viễn thông sẽ được cả xã hội quan tâm giám sát, từ đó buộc các doanh nghiệp viễn thông phải tổ chức kinh doanh sao cho có hiệu quả hơn. Mặt khác, với hình thức trả lãi này, những người mua trái phiếu của các doanh nghiệp viễn thông nào thì họ sẽ sử dụng sản phẩm của doanh nghiệp đó, đây cũng là biện pháp giúp các doanh nghiệp viễn thông VN có thêm lợi thế để cạnh tranh với các doanh nghiệp viễn thông nước ngoài ở thị trường trong nước; (2) Đa dạng hoá thành phần kinh tế tham gia đầu tư; (3) Nhà nước bảo lãnh cho các công ty viễn thông lớn vay vốn hoặc mua hàng trả chậm của nước ngoài để đầu tư vào các công nghệ hiện đại, phát triển hạ tầng viễn thông; (4) Thực hiện từng bước cổ phần hoá các doanh nghiệp viễn thông sau khi mạng viễn thông VN đạt mức trên 30 máy/100 dân; (5) Mở cửa cho phép các nhà đầu tư nước ngoài tham gia cung cấp dịch vụ nội dung và các dịch vụ giá trị gia tăng khác.

- Nhân lực: Tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ nhân lực làm việc trong ngành thông qua hình thức tái đào tạo và sát hạch nghiêm ngặt theo các tiêu chuẩn quốc tế. Để ra chính sách chuyển những người không đủ năng lực làm việc trong

ngành viễn thông ra làm việc ở những ngành khác. Tập trung nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ nhân lực theo tiêu chuẩn quốc tế. Chúng ta có thể triển khai các chương trình thực hiện cụ thể như: Xây dựng tiêu chuẩn nghề nghiệp trong ngành viễn thông, thành lập 2 trường Đại học bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin tại Hà Nội và TP.HCM, tăng cường hợp tác và trao đổi chuyên gia làm việc với các nước có ngành viễn thông phát triển.

- Hạ tầng mạng lưới: Phát triển mạng lưới viễn thông phủ khắp cả nước, quang hoá tất cả các đường truyền dẫn trong nước. Đối với đường truyền quốc tế thì sử dụng vệ tinh riêng để kết nối. Xây dựng bộ chuẩn quy định về các tuyến truyền dẫn, cho phép tư nhân xây dựng mạng hạ tầng ở các địa phương vùng xa, xúc tiến nhanh việc phóng vệ tinh viễn thông riêng, giai đoạn từ 2015 đến 2020 cần phóng thêm từ 1 đến 2 vệ tinh viễn thông nữa, tận dụng các mạng thông tin liên lạc của quân đội và công an để phát triển nhưng không để các đơn vị chủ quản những mạng này đứng ra kinh doanh mà giao lại cho VNPT chủ động khai thác.

- Khoa học công nghệ: Luôn áp dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại trên thế giới, khuyến khích các doanh nghiệp viễn thông đầu tư nghiên cứu và phát triển mạng lưới theo hướng IP, đón đầu xu hướng hội tụ giữa viễn thông và công nghệ thông tin. Các công việc cần thực hiện gồm: Lập một nhóm nghiên cứu phát triển công nghệ viễn thông trực thuộc sự quản lý của Chính phủ để tiến hành nghiên cứu; đề ra chính sách hạn chế các công ty viễn thông VN nhập khẩu sản phẩm công nghệ viễn thông thành phẩm của nước ngoài, các hãng nước ngoài nếu muốn đưa sản phẩm công nghệ vào VN thì phải đưa dây chuyền vào sản xuất ở trong nước; khuyến khích

các công ty viễn thông VN sử dụng giải pháp công nghệ của VN; thành lập các hiệp hội bao gồm các nhà nghiên cứu và kinh doanh viễn thông để dần dần tạo ra thị trường khoa học công nghệ trong viễn thông; chú trọng phát triển phần mềm viễn thông để nâng cao khả năng làm chủ công nghệ, đồng thời có khả năng phát triển được công nghệ mới cho riêng mình khi mạng lưới viễn thông chuyển sang mạng IP.

- Cơ chế chính sách: Đẩy nhanh tiến độ làm luật để sửa đổi và ban hành các quy định mới phù hợp với thông lệ quốc tế. Đồng thời tổ chức tuyên truyền để các doanh nghiệp hiểu rõ và vận dụng chính xác trong hoạt động kinh doanh của mình. Cụ thể gồm: (1) Thành lập ban soạn thảo luật trực thuộc Bộ bưu chính viễn thông và (2) Lập các tổ tư vấn luật, chính sách về viễn thông tại các tỉnh/thành phố trong cả nước.

Tóm lại, xu hướng phát triển mạng viễn thông trong tương lai sẽ là IP hoá mạng lưới truyền dẫn và các hệ thống cung cấp dịch vụ với sự hội tụ mạnh mẽ giữa viễn thông và công nghệ thông tin, đây sẽ là cơ hội để ngành viễn thông VN đẩy nhanh hơn nữa tốc độ phát triển, đồng thời tạo ra sự phát triển bền vững thông qua việc chú trọng làm chủ các công nghệ phần mềm viễn thông. Vì thế, các chính sách quản lý của Nhà nước, khả năng huy động vốn đầu tư và trình độ của đội ngũ nhân lực viễn thông sẽ đóng vai trò hết sức quan trọng đối với sự phát triển của ngành viễn thông VN giai đoạn từ nay đến năm 2020. Nếu tổ chức thực hiện tốt được định hướng nêu trên, khả năng mạng viễn thông VN là một trong 20 mạng lưới viễn thông lớn và hiện đại nhất trên thế giới vào năm 2020 hoàn toàn trong tầm tay của chúng ta, một đất nước có quy mô dân số lớn thứ 11 trên thế giới ■